

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG AI KHI HỌC TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG

LƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 10/5/2026. Sửa chữa xong 10/6/2026. Duyệt đăng 16/6/2026.

Abstract

This study focuses on investigating the current situation of Artificial Intelligence (AI) application in Chinese language learning among first-year and second-year students majoring in Chinese Language at Ho Chi Minh City University of Foreign Languages and Information Technology (HUFLIT). The research was conducted with 220 students using a combination of quantitative and qualitative methods to evaluate the level of AI usage, purposes of use, and students' perceptions of the role of AI in foreign language learning. The findings reveal that AI has become a popular learning tool among students, with 92% of surveyed students reporting that they had used AI applications to support their Chinese language learning. Approximately 78% of students believed that AI has positive impacts on learning by saving time, improving learning efficiency, and increasing learner autonomy in the self-study process. However, the study also points out several limitations, including the risk of overdependence on AI, the possibility of inaccurate information, and the decline of language thinking ability when technology is overused. Based on the research findings, the author suggests that AI can become an effective support tool in Chinese language learning if it is used appropriately, combined with critical thinking skills and proper guidance from instructors.

Keywords: AI, Chinese Language, Learning Effectiveness.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ hợp tác Việt Nam – Trung Quốc trên nhiều lĩnh vực, tiếng Trung ngày càng trở thành một trong những ngoại ngữ được nhiều người học lựa chọn. Nhu cầu học Tiếng Trung không chỉ phục vụ cho hoạt động giao thương, du lịch hay giao lưu văn hóa mà còn gắn liền với cơ hội nghề nghiệp trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư Trung Quốc và môi trường làm việc sử dụng tiếng Trung tại Việt Nam. Theo Báo Thanh Niên (2025), Việt Nam hiện là quốc gia có số lượng thí sinh tham dự kỳ thi năng lực Hán ngữ HSK nhiều nhất thế giới với hơn 146.000 lượt dự thi trong năm 2025. Điều này cho thấy sức hút ngày càng lớn của tiếng Trung trong môi trường giáo dục, đặc biệt ở bậc đại học. Bên cạnh sự phát triển của việc học ngoại ngữ, trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) cũng đang tạo ra những thay đổi rõ rệt trong phương pháp học tập của sinh viên (SV) hiện nay. Các công cụ như ChatGPT, Gemini, Kimi hay Doubao hỗ trợ người học tra cứu thông tin, luyện dịch, sửa lỗi ngữ pháp và thực hành kỹ năng ngôn ngữ một cách thuận tiện. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, AI không chỉ giúp nâng cao khả năng tự học mà còn góp phần tạo ra môi trường học tập linh hoạt và có tính tương tác cao. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích mang lại, việc sử dụng AI trong học tập cũng đặt ra nhiều vấn đề cần được quan tâm. Thực tế cho thấy một bộ phận SV có xu hướng phụ thuộc vào AI trong quá trình làm bài tập, dịch thuật hoặc tìm kiếm thông tin mà chưa chủ động kiểm chứng nội dung. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng tư duy ngôn ngữ, đặc biệt đối với SV năm thứ nhất và năm thứ hai – nhóm đối tượng đang trong giai đoạn hình thành nền tảng kiến thức cơ bản. Xuất phát từ thực tế trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng sử dụng AI trong học tập của SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại

Email: quyenl11@huflit.edu.vn

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.Hồ Chí Minh (HUFLIT). Qua đó, bài viết đánh giá mức độ sử dụng AI, nhận thức của SV về hiệu quả của AI trong học tập Tiếng Trung, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong môi trường giáo dục đại học hiện nay.

2. Tổng quan về lý thuyết

2.1. Các nghiên cứu về vai trò và hiệu quả của ứng dụng AI trong dạy và học ngoại ngữ

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò tích cực của trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào khả năng hỗ trợ cá nhân hóa học tập, nâng cao hiệu quả luyện tập kỹ năng ngôn ngữ và tối ưu hóa quá trình giảng dạy. Bùi Thị Minh (2025) khi nghiên cứu ứng dụng AI trong học ngôn ngữ đã chỉ ra nhiều vai trò quan trọng của AI như sửa lỗi phát âm, chỉnh sửa ngữ pháp, hỗ trợ luyện nghe và biên tập văn bản. Đồng thời, nghiên cứu cũng đề xuất một số công cụ AI có tính ứng dụng cao trong học ngoại ngữ như Grammarly, Elsa Speak và Quillbot. Tương tự, Lê Ngọc Hà và Nguyễn Lê Thuỳ Tiên (2025) cho rằng AI mang lại nhiều giải pháp hiệu quả cho giáo dục ngoại ngữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả giáo viên (GV) và người học đều có thái độ tích cực đối với việc ứng dụng AI trong quá trình dạy và học. Ở lĩnh vực giảng dạy Tiếng Trung, Nguyễn Thị Vĩnh Bình (2025) khẳng định việc ứng dụng AI trong mô hình dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục tiếng Trung tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Ngoài ra, Wang Le, Liu Tian và Zhao Bo (2026) thông qua phân tích gộp 48 nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng AI có tác động tích cực ở mức độ trung bình đối với kết quả học ngoại ngữ. Nghiên cứu cũng làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả ứng dụng AI như kỹ năng ngôn ngữ, yếu tố tâm lý – cảm xúc, cấp học, loại hình công nghệ và năng lực tư duy của người học. Nhìn chung, các nghiên cứu trên đều cho thấy AI đang trở thành công cụ hỗ trợ quan trọng trong giáo dục ngoại ngữ, góp phần nâng cao hiệu quả học tập, tăng tính cá nhân hóa và mở rộng không gian đổi mới phương pháp giảng dạy.

2.2. Các nghiên cứu về thách thức và năng lực ứng dụng AI trong giáo dục ngoại ngữ

Bên cạnh những tác động tích cực, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn và thách thức trong quá trình ứng dụng AI vào giáo dục ngoại ngữ. Vũ Thị Minh Thanh (2025) cho rằng việc ứng dụng AI trong dạy và học Tiếng Trung vẫn tồn tại nhiều hạn chế như phụ thuộc vào công nghệ, thiếu kỹ năng sử dụng AI hiệu quả và nguy cơ làm giảm khả năng tư duy độc lập của người học. Tương tự, Wu Qian và Zhao Yanling (2024) mặc dù đánh giá cao tiềm năng của GenAI nhưng cũng nhấn mạnh rằng công nghệ hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về tính chính xác, khả năng hiểu ngữ cảnh và mức độ phù hợp với đặc thù ngôn ngữ tiếng Trung. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất cần nâng cao năng lực công nghệ của giáo viên và xây dựng hệ thống tri thức ứng dụng phù hợp với đặc trưng của giáo dục tiếng Trung. Ở góc độ năng lực giáo viên, Ou Keting và Zhang Danyang (2026) đã xây dựng khung năng lực AI tạo sinh dành cho GV ngoại ngữ gồm bảy chiều kích như đạo đức AI, kiến thức công nghệ, phương pháp giảng dạy tích hợp AI và năng lực hợp tác người – máy. Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù GV có nhận thức khá tích cực về AI, nhưng khả năng ứng dụng GenAI vào phát triển chuyên môn vẫn còn hạn chế. Như vậy, các nghiên cứu hiện nay không chỉ nhấn mạnh tiềm năng của AI trong giáo dục ngoại ngữ mà còn chỉ ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao năng lực sử dụng AI, xây dựng phương pháp ứng dụng phù hợp và hạn chế những tác động tiêu cực do công nghệ mang lại.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về ứng dụng AI trong dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung, song phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào vai trò, hiệu quả, triển vọng phát triển hoặc năng lực ứng dụng AI của GV. Các nghiên cứu về hiện trạng sử dụng AI của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc vẫn còn tương đối hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học ở Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu mới dừng lại ở việc phân tích lý thuyết hoặc đề xuất giải pháp chung mà chưa đi sâu khảo sát mức độ sử dụng thực tế, mục đích sử dụng, tần suất sử dụng cũng như những khó khăn mà SV gặp phải khi ứng dụng AI vào học tập Tiếng Trung. Do đó,

việc nghiên cứu hiện trạng sử dụng AI của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần phản ánh rõ hơn xu hướng ứng dụng AI trong học tập ngoại ngữ hiện nay, đồng thời đề xuất các định hướng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả học tập Tiếng Trung trong bối cảnh chuyển đổi số.

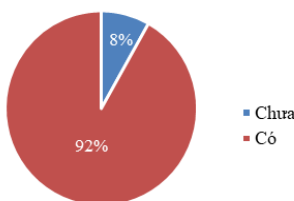
3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp kết hợp giữa định lượng và định tính nhằm đánh giá thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP. Hồ Chí Minh (HUFLIT), đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong quá trình học tập. Về phương pháp định lượng, nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi Google Forms đối với 220 SV năm nhất và năm hai chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại HUFLIT. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm phân tích tỷ lệ sử dụng AI, mức độ tác động của AI đến kỹ năng học tập và những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình sử dụng. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua phân tích ý kiến phản hồi của SV và tổng hợp các tài liệu liên quan nhằm làm rõ những lợi ích và hạn chế của AI trong học tập ngoại ngữ. Trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích thực tiễn, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong học tập tiếng Trung.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Mức độ phổ biến của AI trong việc học Tiếng Trung

Biểu đồ 1: Tỷ lệ sử dụng AI đối với SV học Tiếng Trung hiện nay

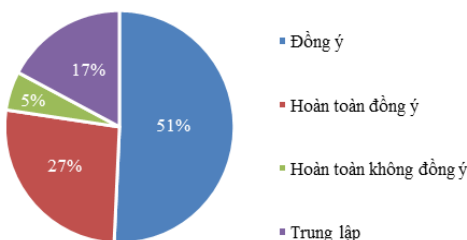


Kết quả khảo sát cho thấy AI đã trở thành công cụ học tập quen thuộc đối với phần lớn SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại HUFLIT. Trong tổng số 220 SV tham gia khảo sát, có 92% SV cho biết đã từng sử dụng AI để hỗ trợ học tập, trong khi chỉ có 8% chưa sử dụng. Tỷ lệ sử dụng cao phản ánh khả năng tiếp cận công nghệ nhanh chóng của SV hiện nay. AI đang dần được tích hợp vào quá trình học tập hàng ngày thay vì chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ tạm thời. Nhiều SV cho biết họ sử dụng AI để tra cứu từ vựng, giải thích ngữ pháp, luyện dịch hoặc luyện viết đoạn văn bằng tiếng Trung. Đối với SV năm thứ nhất và năm thứ hai, AI góp phần hỗ trợ việc tiếp cận kiến thức mới, đặc biệt trong giai đoạn làm quen với hệ thống chữ Hán và cấu trúc ngữ pháp cơ bản. Việc có thể tương tác trực tiếp với AI giúp người học chủ động hơn trong quá trình tự học ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, việc AI được sử dụng rộng rãi trong quá trình học tập của SV năm thứ nhất và năm thứ hai cũng đặt ra nhiều vấn đề cần được xem xét. Nếu quá phụ thuộc vào AI, SV có thể dần hình thành thói quen tiếp nhận thông tin một cách thụ động, giảm khả năng tự suy luận và hạn chế kỹ năng phân tích ngôn ngữ. Đặc biệt, trong quá trình học tiếng Trung – một ngôn ngữ có nhiều yếu tố văn hóa, hàm ý và ngôn ngữ mạng – việc chỉ dựa vào bản dịch của AI rất dễ dẫn đến hiểu sai nghĩa thực tế. Chẳng hạn, khi gặp cụm từ “画饼”, nhiều công cụ AI thường dịch trực tiếp thành “vẽ bánh”, hoặc “躺平” được dịch thành “nằm phẳng”. Nếu SV chỉ ghi nhớ theo nghĩa đen mà không tìm hiểu ngữ cảnh sử dụng, người học sẽ khó hiểu được ý nghĩa thực sự của các cụm từ này trong giao tiếp hiện đại. Trên thực tế, “画饼” thường được dùng để chỉ việc đưa ra những lời hứa hoặc viễn cảnh hấp dẫn nhưng khó trở thành hiện thực, còn “躺平” thể hiện tâm lý buông xuôi, không muốn cạnh tranh hay cố gắng quá mức trước áp lực học tập và công việc. Điều này cho thấy AI có thể hỗ trợ người học tra cứu nhanh chóng, nhưng không thể thay thế hoàn toàn quá trình tư duy, phân

tích ngữ nghĩa và tiếp cận văn hóa ngôn ngữ của SV. Nếu lạm dụng AI trong thời gian dài, SV có thể giảm khả năng tự diễn đạt, thiếu sự nhạy bén trong việc hiểu sắc thái ngôn ngữ và gặp khó khăn khi sử dụng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp thực tế.

4.2. Đánh giá của sinh viên về hiệu quả ứng dụng AI

Biểu đồ 2: Hiệu quả sử dụng AI đối với SV hiện nay



Khi được hỏi về mức độ hiệu quả của AI trong học Tiếng Trung, phần lớn SV đưa ra nhận định tích cực. Cụ thể, 51% SV lựa chọn mức “Đồng ý” và 27% lựa chọn “Hoàn toàn đồng ý” đối với nhận định AI mang lại hiệu quả trong học tập. Như vậy, tổng cộng có 78% SV đánh giá AI có tác động tích cực đối với việc học Tiếng Trung.

Tuy nhiên, bên cạnh những đánh giá tích cực, vẫn có 17% SV giữ quan điểm trung lập về hiệu quả của AI trong học Tiếng Trung. Nhóm SV này cho rằng mặc dù AI mang lại nhiều tiện ích nhưng chất lượng nội dung đôi khi chưa thực sự chính xác. Trong một số trường hợp, AI có thể dịch chưa sát nghĩa, diễn đạt thiếu tự nhiên hoặc chưa phản ánh đúng sắc thái văn hóa và ngữ cảnh giao tiếp của tiếng Trung. Đặc biệt, đối với các từ lóng, thành ngữ hoặc ngôn ngữ mạng như “当牛马”, “内卷”, AI đôi khi chỉ dịch theo nghĩa đen khiến người học khó hiểu được hàm ý thực tế của câu nói. Chẳng hạn, “当牛马” nếu dịch trực tiếp sẽ là “làm trâu làm ngựa”, nhưng trong giao tiếp của giới trẻ Trung Quốc hiện nay, cụm từ này thường được dùng để than thở về việc học tập hoặc làm việc quá áp lực và mệt mỏi. Tương tự, “内卷” không chỉ đơn giản mang nghĩa “cuộn vào bên trong” mà còn ám chỉ tình trạng cạnh tranh căng thẳng, tiêu hao nhiều công sức nhưng hiệu quả không tăng đáng kể.

Ngoài ra, có 5% SV cho rằng AI chưa mang lại hiệu quả rõ rệt trong học tập. Một số ý kiến cho rằng việc sử dụng AI quá thường xuyên có thể khiến SV hình thành thói quen học tập thụ động, phụ thuộc vào câu trả lời có sẵn thay vì tự suy nghĩ và phân tích vấn đề. Trong quá trình học ngoại ngữ, kỹ năng tư duy ngôn ngữ và khả năng tự diễn đạt đóng vai trò rất quan trọng. Nếu người học quá phụ thuộc vào AI để dịch bài, viết đoạn văn hoặc làm bài tập, khả năng ghi nhớ và vận dụng kiến thức thực tế có thể bị ảnh hưởng. Điều này đặc biệt đáng chú ý đối với SV ở giai đoạn đầu học tiếng Trung, khi nền tảng ngôn ngữ vẫn chưa vững chắc. Chẳng hạn, khi nhờ AI viết một bức thư hỏi thăm bạn bè bằng tiếng Trung, AI thường sử dụng những cách diễn đạt khá trau chuốt như “近来身体可好?” hay “愿你一切顺利, 万事如意”, thậm chí còn chèn thêm nhiều câu mang tính văn viết hoặc giàu sắc thái biểu cảm. Tuy nhiên, khi bước vào bài kiểm tra hoặc giao tiếp thực tế, nhiều SV lại chỉ nhớ và sử dụng những mẫu câu cơ bản như “你身体好吗?” hoặc “你最近怎么样?”. Điều này cho thấy người học có thể sao chép và hiểu sơ bộ nội dung do AI tạo ra nhưng chưa thực sự ghi nhớ và chuyển hóa thành năng lực ngôn ngữ của bản thân. Nếu tình trạng này kéo dài, SV sẽ dễ phụ thuộc vào AI trong việc diễn đạt ý tưởng và gặp khó khăn khi phải tự sử dụng tiếng Trung trong môi trường không có sự hỗ trợ của công nghệ.

4.3. Những thuận lợi khi ứng dụng AI trong học Tiếng Trung

Theo kết quả khảo sát, trí tuệ nhân tạo (AI) đem đến nhiều mặt tích cực cho người học. Trước tiên, AI giúp rút ngắn thời gian tìm kiếm thông tin và trả lời thắc mắc gần như ngay lập tức. Người dùng có thể nhờ AI hỗ trợ mọi lúc, mọi nơi, không bị ràng buộc bởi khung giờ hay không gian cụ thể. Không những thế, AI còn thúc đẩy tinh thần tự giác học tập. Thay vì chỉ dựa vào giáo trình hoặc bài giảng trên lớp, SV

có thể chủ động trau dồi thêm kiến thức, thực hành theo đúng nhu cầu riêng của mình. Điều này dần hình thành thói quen tự học và mở rộng khả năng tiếp cận ngôn ngữ. Ngoài ra, AI còn tạo ra một sân chơi tương tác, cho phép người học luyện tập thực tế. Một số ứng dụng AI hiện nay có thể mô phỏng hội thoại hoặc sửa lỗi trực tiếp, nhờ đó giúp cải thiện rõ rệt kỹ năng nói và viết tiếng Trung.

4.4. Những hạn chế và thách thức

Dù AI mang lại nhiều lợi ích, việc áp dụng công cụ này vào học Tiếng Trung vẫn bộc lộ không ít bất cập. Một vấn đề đáng chú ý là tình trạng SV quá lệ thuộc vào AI. Nhiều bạn có thói quen nhờ AI làm bài tập hoặc dịch trọn vẹn mà chưa tự mình phân tích nội dung trước. Thực tế, kết quả khảo sát cho thấy có tới 92% SV sử dụng AI trong chuyên ngành, con số này phần nào phản ánh rõ xu hướng phụ thuộc ngày càng lớn vào công nghệ. Chưa kể, AI đôi khi đưa ra thông tin chưa chuẩn xác hoặc cách diễn đạt chưa phù hợp với bối cảnh thực tế. Với những mảng liên quan đến thành ngữ, văn hóa giao tiếp hay các sắc thái biểu cảm trong tiếng Trung, AI vẫn có thể mắc lỗi. Điều này càng trở nên đáng lo ngại hơn đối với SV năm nhất và năm hai – nhóm thường chưa có nền tảng ngôn ngữ đủ vững để kiểm chứng triết để những gì AI cung cấp. Hậu quả là các bạn dễ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động, lâu dần ảnh hưởng đến khả năng tư duy ngôn ngữ. Ngoài ảnh hưởng đến quá trình học tập của SV, việc lạm dụng AI còn khiến GV gặp khó khăn trong việc đánh giá chính xác năng lực thực tế của người học. Trong các bài tập về nhà hoặc bài viết chuẩn bị trước, SV có thể sử dụng AI để tạo ra những câu văn hoàn chỉnh, giàu sắc thái và có tính học thuật cao như “我感到非常抱歉, 也很遗憾” hay “对于给您带来的不便, 我深表歉意”. Tuy nhiên, khi bước vào bài kiểm tra trên lớp hoặc giao tiếp trực tiếp mà không có sự hỗ trợ của AI, nhiều SV lại chỉ sử dụng được những cấu trúc đơn giản như “我很对不起” hoặc “不好意思”. Sự chênh lệch này khiến GV dễ đánh giá cao hơn năng lực thực tế của SV, từ đó có thể đưa ra phương pháp giảng dạy hoặc mức độ bài học chưa thực sự phù hợp với trình độ thật của người học. Về lâu dài, điều này có thể tạo ra khoảng cách giữa “năng lực thể hiện” và “năng lực sử dụng thực tế” của SV. Người học tuy có thể tạo ra các sản phẩm học tập đẹp về hình thức nhờ AI hỗ trợ, nhưng lại thiếu khả năng phản xạ ngôn ngữ và vận dụng kiến thức trong các tình huống giao tiếp thực tế. Nếu không có sự định hướng phù hợp từ GV và ý thức tự học từ phía SV, việc phụ thuộc quá mức vào AI có thể làm giảm hiệu quả phát triển kỹ năng ngoại ngữ một cách bền vững.

5. Đề xuất giải pháp và hiệu quả nâng cao sử dụng AI

5.1. Đối với sinh viên

Sinh viên cần trau dồi kỹ năng dùng AI một cách thông minh, có chọn lọc. Các bạn nên học cách đặt câu hỏi (prompt) hợp lý để khai thác thông tin chính xác hơn từ AI. Thêm vào đó, AI nên được xem như một công cụ hỗ trợ, chứ không phải giải pháp thay thế hoàn toàn việc học. Sau khi tham khảo AI, SV cần đối chiếu với giáo trình, từ điển hoặc các nguồn tài liệu học thuật để bảo đảm độ tin cậy của kiến thức. Song song, các bạn cũng cần rèn tư duy phản biện và năng lực tự học để tránh quá phụ thuộc vào công nghệ.

5.2. Đối với giảng viên và nhà trường

Giáo viên cần có sự định hướng rõ ràng về việc sử dụng AI trong học tập, giúp SV hiểu đúng vai trò của công nghệ trong giáo dục. Bên cạnh đó, nhà trường nên đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng tư duy, phân tích và vận dụng ngôn ngữ thực tế, thay vì chỉ nhấn mạnh vào các dạng bài tập mang tính ghi nhớ hoặc dịch máy đơn thuần. Cuối cùng, khoa và trường đại học có thể tổ chức các buổi tập huấn về kỹ năng sử dụng AI trong học ngoại ngữ, qua đó giúp SV tận dụng công nghệ một cách hiệu quả, phù hợp với mục tiêu học tập của mình.

6. Kết luận

Kết quả khảo sát đối với 220 SV năm thứ nhất và năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại HUFLIT cho thấy AI đang được sử dụng rộng rãi trong quá trình học tập Tiếng Trung. Phần lớn SV đánh giá AI mang lại hiệu quả tích cực trong việc hỗ trợ tra cứu thông tin, luyện tập kỹ năng ngôn ngữ và nâng cao tính chủ động trong học tập. Tuy nhiên, việc sử dụng AI cũng đặt ra nhiều thách thức liên quan đến khả năng kiểm chứng thông tin và nguy cơ phụ thuộc vào công nghệ. Vì vậy, để AI phát huy

hiệu quả thực sự trong giáo dục, người học cần sử dụng công nghệ một cách có chọn lọc và kết hợp với quá trình tự học, tự tư duy. Trong thời gian tới, việc ứng dụng AI vào học tập ngoại ngữ được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Do đó, việc định hướng sử dụng AI đúng cách sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trong môi trường giáo dục đại học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Thị Minh (2025). Trí tuệ nhân tạo (AI) và những ứng dụng trong dạy học ngoại ngữ. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 31(06), 8–12.
- Lê Thị Ngọc Hà, & Nguyễn Lê Thủy Tiên (2025). Thực trạng và tiềm năng ứng dụng AI trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 23(8C).
- Nguyễn Thị Vinh Bình (2025). Tác dụng của AI trong giảng dạy tiếng Trung Quốc theo mô hình dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, Số đặc biệt 7A*, 587.
- Ou, K. T., & Zhang, D. Y. (2026). 生成式人工智能时代外语教师GenAI素养生态: 框架构建、实证检验与进化路径. *山东外语教学*, 1–13.
- Vũ Thị Minh Thanh (2025). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy từ vựng tiếng Trung Quốc. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 32(1[3]), 108–111.
- Wang, L., Liu, T., & Zhao, B. (2026). 人工智能对外语学习成效影响的元分析. *外语研究*, 43(03), 84–91.
- Wu, Q., & Zhao, Y. L. (2026). GenAI赋能国际中文口语教学的前景、挑战及应对. *中国高校科技*, 1–6.

ỨNG DỤNG QUY TRÌNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT (EDP)...

Tiếp theo trang 89

3. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ việc ứng dụng quy trình thiết kế kỹ thuật (EDP) trong tổ chức HĐTH cho trẻ 5-6 tuổi tại hai trường mầm non công lập ở phường Long Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy GV đã bước đầu tiếp cận EDP nhưng việc vận dụng còn chưa đồng đều, chủ yếu tập trung ở bước chế tạo sản phẩm, trong khi các bước xác định vấn đề, thử nghiệm và cải tiến còn hạn chế giữa hai trường, Trường Mầm non A và Trường Mầm non B. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đã đề xuất 04 giải pháp hỗ trợ GV ứng dụng EDP trong tổ chức HĐTH cho trẻ 5-6 tuổi. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung minh chứng thực tiễn về việc ứng dụng EDP trong HĐTH ở trường mầm non công lập, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho công tác bồi dưỡng GV và tổ chức hoạt động giáo dục theo định hướng STEAM. nghiên cứu chỉ được thực hiện tại hai trường mầm non công lập và dữ liệu quan sát trực tiếp chủ yếu triển khai tại một trường, do đó kết quả có giá trị gợi mở cho các bối cảnh tương tự và cần được tiếp tục kiểm chứng ở phạm vi mẫu rộng hơn.

Tài liệu tham khảo

- Ata-Aktürk, A., & Demircan, H. Ö. (2021). Supporting preschool children's STEM learning with parent-involved early engineering education. *Early Childhood Education Journal*, 49(4), 607–621. <https://doi.org/10.1007/s10643-020-01100-1>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021 Ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- Bùi Thị Lâm, Nguyễn Thị Luyến, Trần Viết Nhi, Nguyễn Thị Thanh Hương, Đặng Út Phương, Nguyễn Mạnh Tuấn, & Trần Thị Thắm. (2022). Thực trạng kiến thức và thực hành của giáo viên khu vực miền Trung về giáo dục STEAM cho trẻ mẫu giáo. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục*, 67(4A), 33–42. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2022-0090>.
- Cunningham, C. M., & Lachapelle, C. P. (2014). Designing engineering experiences to engage all students. In S. Purzer, J. Strobel, & M. Cardella (Eds.), *Engineering in pre-college settings: Synthesizing research, policy, and practices* (pp. 117–140). Purdue University Press.
- DeJarnette, N. K. (2018). Implementing STEAM in the early childhood classroom. *European Journal of STEM Education*, 3(3), 18. <https://doi.org/10.20897/ejsteme/3878>.
- Đặng Út Phương, Đinh Lan Anh, Nguyễn Thị Mai Thương, & Lê Thu Trang. (2022). Tiếp cận quy trình 6E, EDP trong tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục*, 67(4A), 43–51. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2022-0091>.
- Hoàng Thị Phương. (2020). Đặc trưng của giáo dục STEAM cho trẻ mầm non - khả năng tích hợp vào chương trình giáo dục mầm non. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục*, 65(11A), 108–116.
- Lê Thanh Thủy. (2022). *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Viết Nhi. (2023). Thiết kế hoạt động STEAM cho trẻ 5-6 tuổi theo quy trình thiết kế kỹ thuật. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, 9(2), 196–205. <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2023/823>.
- Vũ Thị Ngọc Minh. (2022). Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mẫu giáo phù hợp với bối cảnh địa phương. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(7), 61–66. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210710>.